

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017
CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN**

Lạng sơn, ngày 06 tháng 04 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:4900101456
- Vốn điều lệ: 29.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:29.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.Tocolimex.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 29/05/2017.

- Các sự kiện khác: Ngày 15/05/2015 bán 49,99% cổ phần tương đương với 14.787.400.000,đ vốn nhà nước tại Công ty cho công ty THHH Thảo viên và trở thành công ty cổ phần 100% vốn góp của các cổ đông.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

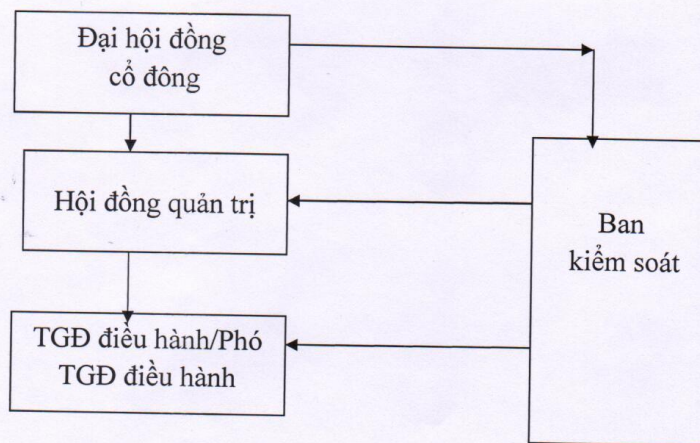
- Ngành nghề kinh doanh: Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ bán vé máy bay; Thu gom rác thải không độc hại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phòng hát Karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Bán buôn thực phẩm; Quảng cáo; Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết:

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Hoạt động vui chơi thể chất đa năng dành cho trẻ em; Hoạt động thể thao khác; Ngành cung ứng và quản lý nguồn lao động Trong đó bao gồm các ngành: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017.

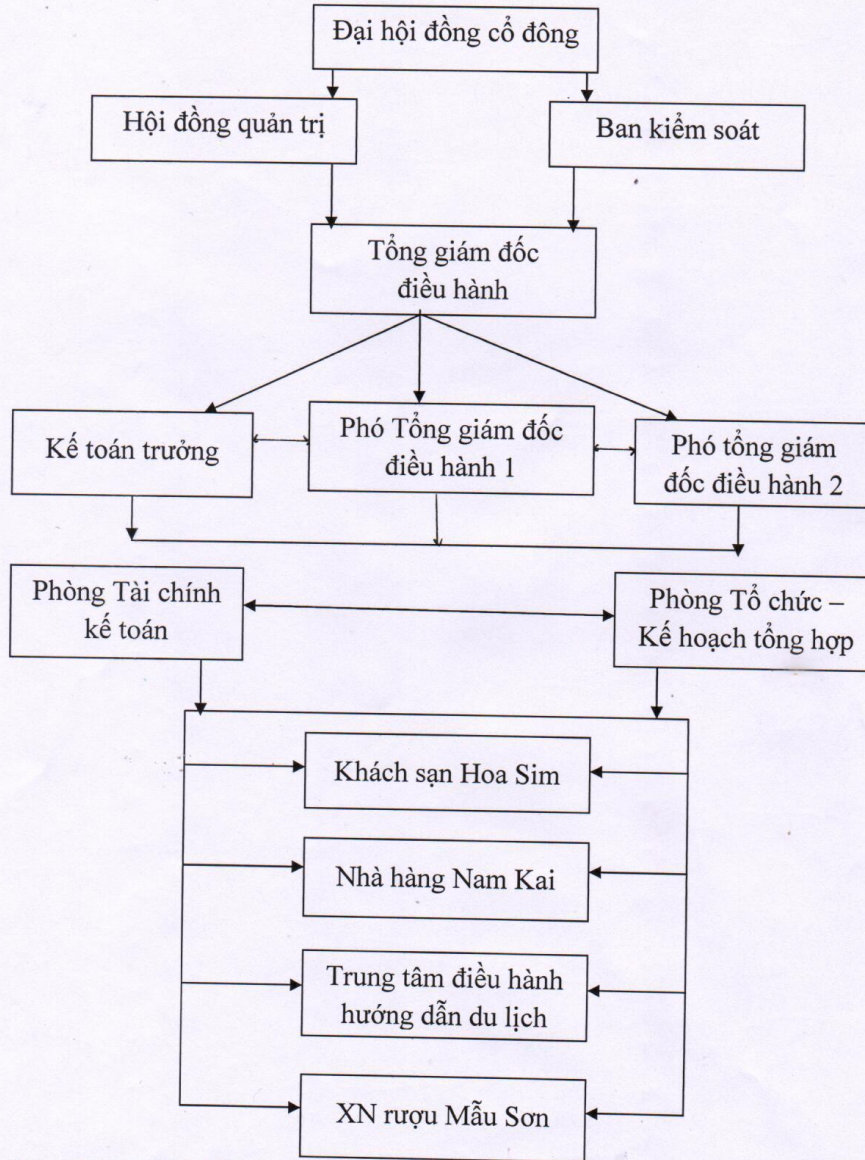
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 02 phó giám đốc và 01 kế toán trưởng

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:



Ngày 20/03/2017 Hội đồng quản trị quyết định giải thể hoạt động kinh doanh chi nhánh Công ty tại Hà Nội do kinh doanh không hiệu quả

Ngày 25/10/2017 Công ty tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đã thực hiện bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 trước nhiệm kỳ, đồng thời bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2017-2022, kết quả Bà Nguyễn Kim Thảo được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển và mở rộng các thương hiệu sản phẩm dịch vụ của công ty, tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề, đạt kết quả cao, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Mở rộng mô hình kinh doanh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro:

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2017 không đạt, lỗ 1.132.435.134 đồng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2016	KH 2017	TH 2017	% TH/KH
1	Doanh Thu	17.773.996.995	30.498.500.000	16.359.528.940	54,10
2	Chi phí	19.140.703.249	30.171.244.000	17.491.964.074	57,98
3	Lợi nhuận	-1.372.706.254	327.256.000	-1.132.435.134	

Kết quả kinh doanh lỗ do hoạt động sản xuất kinh doanh rượu gặp khó khăn, trào lưu sử dụng rượu tự nấu, tự ủ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ, sự thay đổi về luật Du lịch và tour du lịch không đồng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh du lịch lữ hành. Cơ sở vật chất khách sạn Hoa Sim đã xuống cấp, không thể cạnh tranh với các cơ sở lưu trú trên địa bàn ... cổ đông lớn không có sự đồng thuận trong xây dựng chiến lược phát triển công ty, trong năm phải tổ chức đến 03 kỳ họp đại hội đồng cổ đông bất thường (trong đó chỉ có 02 lần thành công) dẫn đến phân tán và mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó năng lực của cán bộ quản lý điều hành còn hạn chế, chưa thật sự nhạy bén, thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 03/2018:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	1.184.301 (người được ủy quyền đại diện nắm giữ phần vốn của Công ty	40,038

						TNHH Thảo Viên)	
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HDQT, Phó Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	14.700	0,497
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HDQT	82.000	2,772
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	0	
5	Bế Ngọc Tú	Nam	1977	Số 29, Phai Luông 7, Khối Hoàng Hoa Thám, Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn	UV BKS, Trưởng phòng TC- KHTH	0	
6	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	0	
7	Phạm Đình Ban	Nam	1961	Số 12, Ngõ 8, Đường Nguyễn Du, TP Lạng Sơn	Tổng Giám đốc điều hành công ty	17.065	0,577
8	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đông, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	0	

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 19/05/2017 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 đối với Bà Nguyễn Khánh Dân, lý do Bà Dân có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn.

+ Ngày 10/05/2017 Hội đồng quản trị đồng ý cho Bà Nguyễn Kim Thảo chủ tịch HĐQT thôi kiêm tổng giám đốc điều hành, đồng thời bổ nhiệm Ông Phạm Đình giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty (Hội đồng quản trị đã báo cáo Đại hội đồng thường niên năm 2017 và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2017).

+ Ngày 25/10/2017 Tại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 lần 3 miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 trước nhiệm kỳ và bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022, Bà Nguyễn Nguyễn Kim Thảo được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Đỗ Thu Huyền được bầu Trưởng ban kiểm soát.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 62 người, người lao động được tạo việc làm và thu nhập ổn định, được Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được tạo điều kiện để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không
b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	99.105.259.398	100.629.814.292	98,48
Doanh thu thuần	14.064.673.777	16.049.562.374	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.971.085.093	-2.039.984.663	
Lợi nhuận khác	838.649.959	667.278.409	125,68
Lợi nhuận trước thuế	-1.132.435.134	-1.372.706.254	
Lợi nhuận sau thuế	-1.132.435.134	-1.372.706.254	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6.49	6.29	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	7.98	7.58	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	68.58	68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	218.28	207.35	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2.70	3.05	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.14	0.16	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.957.900 CP.

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.948.570 CP (Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 02/10/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam)

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 9.330CP (Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 02/10/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam)

b) Cơ cấu cổ đông (Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 02/10/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam):

Cổ đông lớn: 03 cổ đông, nắm giữ 2.471.095 CP chiếm 83,543%

Cổ đông nhỏ: 80 cổ đông, nắm giữ 486.805 CP chiếm 16,457%

Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 1.583.040 CP chiếm 53,52%

Cổ đông cá nhân: 80 cổ đông, nắm giữ 1.374.860 CP chiếm 46,48%

Cổ đông trong nước: 80 cổ đông, nắm giữ 2.134.140 chiếm 72,15

Cổ đông nước ngoài: 03 cổ đông, nắm giữ 823.760 chiếm 27,85%

Cổ đông nhà nước: Không

Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính chủ yếu là bình rượu Mẫu Sơn số lượng là 43.478 bình.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính, là bình rượu Mẫu Sơn do Công ty đóng chai (bình sử) sau khi bán cho khách hàng sử dụng rượu, được công ty thu mua lại vỏ bình (chủ yếu là tại các khách sạn nhà hàng) sau đó qua quy trình xử lý đảm bảo đủ tiêu chuẩn, được tái sử dụng lại : 26,74%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 500.891.779 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *không*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có sáng kiến

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm 181.128.830 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Công ty luôn chấp hành và tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, vì vậy trong năm không bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 03/2018 là: 62 người. Đa số các lao động đều được đào tạo và đáp ứng được công việc được giao. Mức lương trung bình đạt 4.200.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động, được công ty đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp đều được thăm khám sức khỏe định kỳ, môi trường làm việc

được cải thiện, chống nóng, chống ồn, an toàn, vệ sinh. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, trợ cấp khó khăn khi gia đình có người bệnh nặng, thăm hỏi tặng quà gia đình khó khăn bằng tiền hoặc hiện vật. Hàng năm phối hợp với công đoàn cơ sở đều tổ chức cho CBNV đi tham quan học tập kinh nghiệm ở địa phương khác ít nhất là 01 lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ, cử cán bộ có trình độ cao hướng dẫn trực tiếp cho người lao động đảm bảo làm được việc thì sẽ giao công việc chính. Các ngành nghề tại công ty chủ yếu là buồng, bàn, bếp, lễ tân, sản xuất rượu (chiết rót), bán hàng, số ngày đào tạo hướng dẫn thường từ 3-5 ngày/người; lao động gián tiếp như kế toán 15-30 ngày/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong quá trình làm việc Công ty lựa chọn những lao động có năng lực, có chí tiến thủ và tố chất trở thành người quản lý và có khả năng gắn bó lâu dài với công ty, công ty sẽ tạo điều kiện để người lao động tham gia học tập nâng cao trình độ và bổ nhiệm các chức danh quản lý, điều hành.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty quan tâm đến các hoạt động cộng đồng tại địa phương do địa phương phát động như ủng hộ các hoạt động của Hiệp hội du lịch và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn, ủng hộ Hội hưu trí của ngành, ủng hộ quỹ nghĩa tình đồng đội, xây dựng nông thôn mới, tết vì người nghèo, đặc biệt là trao học bổng cho con em xã Công Sơn đỗ đại học hàng năm trong thời gian 10 năm giai đoạn 2013 - 2022 (đây là vùng nguyên liệu chính công ty đang ký hợp đồng mua rượu nguyên liệu để sản xuất Rượu Mẫu Sơn); và các quỹ khác, tổng số tiền là 36.000.000đ,

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động trong lĩnh vực chính như du lịch, dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất rượu Mẫu Sơn. Ngày từ đầu năm Ban giám đốc công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo các đơn vị chi nhánh trực thuộc thực hiện, tuy nhiên do trong hội đồng quản trị chưa có sự nhất trí cao nên đến tháng 8/2017 kế hoạch sản xuất kinh doanh mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mặt khác do thị trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có nhiều cơ sở khách sạn nhà hàng mới mở, mà cơ sở hạ tầng của công ty lạc hậu xuống cấp không bắt kịp thị trường (KS Hoa Sim) nên không thu hút được khách đến nghỉ, ngoài ra có sự thay đổi lớn trong công tác nhân sự như bổ nhiệm trưởng các chi nhánh và Tổng giám đốc công ty, vì là quản lý mới nên công tác quản lý điều hành ở các chi nhánh chưa thật sự năng động tìm kiếm đối tác phát triển thương hiệu sản phẩm ra thị trường. Vì vậy, kết quả kinh doanh cả năm 2017 lỗ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: chất lượng dịch vụ của nhà hàng và sản phẩm rượu Mẫu Sơn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2017 là 99.105.259.398 đồng (*Chín mươi chín tỷ, một trăm linh năm triệu, hai trăm năm chín nghìn, ba trăm chín tám đồng*)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2016	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	21.069	20.533	536
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.153	12.202	-49
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000	1.000	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	3.071	3.008	63
	- Hàng tồn kho	4.827	4.221	606
	- Tài sản ngắn hạn khác	16	0	16
2	Tài sản dài hạn	78.036	80.096	-2.060
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	800	800	
	- Tài sản cố định	11.229	12.856	-1.627
	- Tài sản dở dang dài hạn	0	10	
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	64.822	64.822	
	- Tài sản dài hạn	1.184	1.906	-722
	Tổng tài sản	99.105	100.629	-1.524

Tài sản giảm so với với đầu năm chủ yếu: Tài sản dài hạn giảm

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2017 là: 3.244.641.609 đồng (ba tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm linh chín đồng). Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, lãnh đạo quản lý, bộ máy văn phòng tinh giản đáp ứng được yêu cầu công việc hiện nay. Chế độ lương ổn định phù hợp với từng chức vụ công việc được giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đầu tư nâng cấp Khách sạn Hoa Sim đạt chuẩn 3 sao trở lên.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, Du lịch trong nước và quốc tế; sản xuất rượu Mẫu Sơn. Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường tại nơi ở, nơi làm việc và nơi đến và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tuyên truyền

người lao động chấp hành nghiêm túc. Công ty thực hành tiết kiệm điện, nước, phân loại rác thải xử lý đúng quy định của Công ty môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động ký hợp đồng từ 3 tháng trở lên đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL ĐBNN, người lao động được tham gia các tổ chức đoàn thể như tổ chức đảng, công đoàn và đoàn thanh niên. Thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ người lao động lúc gặp khó khăn, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí như giao lưu văn nghệ, thể thao, tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm nhân dịp ngày 08/3, 20/10, dịp hè ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ... tạo không khí phấn khởi trong người lao động, tái tạo sức lao động để công hiến cho công ty góp phần vào sự phát triển của Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua mặc dù kết quả kinh doanh không đạt như kế hoạch đề ra nhưng Công ty vẫn tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội góp phần nhỏ bé vào xây dựng quê hương, đặc biệt là từ năm 2013 Công ty đã ký bản giao ước với Xã Công Sơn – Huyện Cao Lộc – Tỉnh Lạng Sơn (thời gian thực hiện 10 năm), hàng năm nếu con em của Xã Công Sơn đỗ đại học thì Công ty sẽ cấp học bổng và thưởng hàng năm cho các em học đến khi ra trường (năm 2017 là 9.000.000 đ), nếu ngành nghề phù hợp thì sẽ tuyển dụng vào làm việc tại công ty, tạo sự gắn kết với bà con địa phương. Các hoạt động xã hội từ thiện công ty đóng góp năm 2017 là 36.000.000 đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2017 là năm có nhiều biến động trọng công tác nhân sự của công ty, trong hoạt động điều hành đôi khi còn hạn chế. Một số sản phẩm dịch vụ của công ty đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng như dịch vụ nhà hàng và sản phẩm rượu Mẫu Sơn.

- Về nhân sự: Tại đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 25/10/2017 đã miễn nhiệm các thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 trước thời hạn đồng thời bầu thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 03 thành viên HĐQT, 03 Thành viên BKS. Tại kỳ họp phiên thứ nhất đã bầu bà Nguyễn Kim Thảo giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Đỗ Thu Huyền giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát.

Sắp xếp bổ nhiệm lại bộ máy cán bộ quản lý các phòng ban chi nhánh của công ty như: Bổ nhiệm 02 giám đốc chi nhánh, 01 phó giám đốc công ty, 01 tổng giám đốc Công ty.

- Về sản xuất kinh doanh: đã có nhiều chuyển biến tích cực như Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn, Nhà hàng Hoa Sim hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên vẫn còn một số chi nhánh chưa hoàn thành kế hoạch là Trung tâm du lịch ảnh hưởng của cơ chế chính sách của Trung Quốc nên khách nhập cảnh vào Việt Nam du lịch qua cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn - Việt Nam giảm đi nhiều, Khách sạn Hoa Sim cơ sở hạ tầng xuống cấp trầm trọng, Hội đồng quản trị đã có kế hoạch sửa chữa cải tạo nâng cấp tuy nhiên vì khách sạn đã quá cũ xét thấy không khả thi nên tạm thời dừng lại, hoạt động kinh doanh của khách sạn chỉ cầm chừng, đón những đoàn khách nhỏ lẻ bình dân. Mặt khác kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017 được thông qua chậm (tháng 8/2017) nên ảnh hưởng lớn điều hành sản xuất kinh chung của toàn công ty, kết quả kinh doanh lỗ.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với môi trường, điển hình là trong năm không bị xử lý vi phạm về

môi trường. Đối với xã hội Công ty thực hiện tốt các hoạt động do địa phương phát động như ủng hộ các hoàn cảnh kém may mắn và các hoạt động cộng đồng do địa phương phát động bằng tiền và trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2017 mặc dù gặp nhiều khó khăn, kế hoạch SXKD năm 2017 được đại hội đồng cổ đông thông qua chậm, có nhiều thay đổi trong tổ chức bộ máy nhân sự, cơ sở hạ tầng xuống cấp (KS Hoa Sim), hoạt động sản xuất kinh doanh rượu gặp khó khăn, trào lưu sử dụng rượu tự nấu, tự ủ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ, sự thay đổi về luật Du lịch và tour du lịch không đồng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh du lịch lữ hành. Cơ sở vật chất khách sạn Hoa Sim đã xuống cấp, không thể cạnh tranh với các cơ sở lưu trú trên địa bàn ... cổ đông lớn không có sự đồng thuận trong xây dựng chiến lược phát triển công ty, trong năm phải tổ chức đến 03 kỳ họp đại hội đồng cổ đông bất thường (trong đó chỉ có 02 lần thành công) dẫn đến phân tán và mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Nhưng Ban giám đốc đã chủ động, tích cực triển khai các nghị quyết do HĐQT ban hành và đạt được một số kết quả nhất định như NH Nam Kai, Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn và NH Hoa Sim đạt kế hoạch đề ra, giảm lỗ so với năm liền kề (năm 2016 lỗ 1.372.706.254 đ; năm 2017 lỗ 1.132.435.134 đ). Mặc dù kết quả kinh doanh lỗ nhưng công ty vẫn bảo đảm việc làm thu nhập cho người lao động tuy không cao nhưng ổn định, các chế độ đối với người lao động thực hiện đầy đủ, không nợ lương và cách chế độ bảo hiểm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp. Tiếp tục sửa đổi bổ sung quy chế quản trị công ty, nội quy quy chế phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty.

Duy trì các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty, đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu đề ra.

Duy trì chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Tiếp tục duy trì chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung cán bộ quản lý kế cận, ổn định việc làm, thu nhập, đời sống và thực hiện các chế độ theo quy định cho người lao động trong công ty, có chính sách thu hút người tài vào làm việc cho công ty.

Đầu tư nâng cấp Khách sạn Hoa Sim đạt tiêu chuẩn 3 sao; phát triển thương hiệu Tocolimex, thương hiệu rượu Mẫu Sơn, các sản phẩm dịch vụ nhà hàng, du lịch. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2017 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	1.509.280	51,026	Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	14.700	0,497	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	82.000	2,772	Thành viên độc lập không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Ngày tháng năm họp	Nội dung	Kết quả
1.	20/03/2017	Họp hội đồng quản trị thông qua xem xét giải thể Chi nhánh Hà Nội, thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng kinh doanh năm 2017, triển khai công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc thứ 2, xem xét thông qua điều chỉnh mức lương tối thiểu	Biên bản số 04-HĐQT/BB/DL ngày 20/03/2017
2.	20/03/2017	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017	Nghị quyết số 05-NQ/HĐQT ngày 20/3/2017
3.	20/03/2017	Quyết định về việc giải thể hoạt động kinh doanh chi nhánh công ty tại Hà nội	Quyết định số 06-/QĐ-HĐQT
4.	31/03/2017	Quyết định v/v bổ nhiệm chức danh phó tổng giám đốc điều hành công ty	Quyết định số 10-/QĐ-HĐQT
5.	04/05/2017	Họp HĐQT thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, mức chi phụ cấp thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2017; Thông qua dự thảo báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2016, phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2017; Xem xét và thông qua việc rút cổ phiếu của Công ty khỏi sàn giao dịch chứng khoán UPCOM Hà Nội; Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và dự thảo nội dung chương trình đại hội; xem xét đơn xin thôi tham gia thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT tạm thời; Xem xét điều chỉnh mức lương trong hệ thống thang lương, bảng lương năm 2016; thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, 2016; xem xét thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung điều	Biên bản số 20-HĐQT/BB/DL ngày 04/05/2017

		lệ Công ty.	
6.	04/05/2017	Nghị quyết v/v Miễn nhiệm Thành viên HĐQT bầu bổ sung thành viên HĐQT tạm thời	Nghị quyết số 21-NQ/HĐQT ngày 04/05/2017
7.	10/5/2017	Họp HĐQT thông qua đề xuất của Bà Nguyễn Kim Thảo chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc về việc chủ tịch HĐQT thôi kiêm tổng giám đốc điều hành Công ty và giới thiệu đề cử nhân sự bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty; triển khai các công tác trụ bị đại hội đồng cổ đông thường niên 2017	Biên bản số 30-HĐQT/BB/DL ngày 10/05/2017
8.	10/05/2017	Nghị quyết v/v Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc điều hành thôi kiêm tổng giám đốc điều hành; bổ nhiệm tổng giám đốc điều hành Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Nghị quyết số 31-NQ/HĐQT ngày 10/05/2017
9.	10/05/2017	Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn (Ông Phạm Đình Ban)	Quyết định số 32-/QĐ-HĐQT
10.	10/05/2017	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐH đồng cổ đông thường niên năm 2015.	Quyết định số 34-/QĐ-HĐQT ngày 10/05/2017
11.	23/5/2017	Họp HĐQT Bổ nhiệm chức danh giám đốc Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch và giám đốc Xí nghiệp rượu Mầu Sơn; Xem xét quyết định người đại diện theo pháp luật của Công ty; Xét nâng lương cho ông Lê Văn Do Kế Toán Trưởng Công ty; Xem xét giải quyết vướng mắc liên quan đến hợp tác đầu tư tại Công ty CP quốc tế Lạng Sơn; Xem xét việc liên quan đến việc bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành Công ty	Biên bản số 42-HĐQT/BB/DL ngày 23/05/2017
12.	23/5/2017	Nghị quyết của HĐQT v/v Ông Phạm Đình Ban tiếp tục giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành và là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Nghị quyết số 43-NQ/HĐQT ngày 25/03/2017
13.	25/05/2017	Quyết định v/v thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (thay đổi người đại diện theo pháp luật)	Quyết định số 48-/QĐ-HĐQT ngày 25/05/2017
14.	05/6/2017	Họp HĐQT xem xét thông qua việc ký hợp đồng tư vấn luật; Triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường 2017; thành lập ban tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường 2017	Biên bản số 52-HĐQT/BB/DL ngày 05/6/2017
15.	05/6/2017	Nghị quyết của HĐQT v/v tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017	Nghị quyết số 53-NQ/HĐQT ngày 05/6/2017
16.	06/06/2017	Quyết định thành lập ban tổ chức Đại hội đồng cổ	Quyết định số 54-

		đồng bất thường năm 2017	/QĐ-HĐQT ngày 06/06/2017
17.	05/7/2017	Họp HĐQT trừ bị công tác Đại hội đồng cổ đông bất thường 2017; Bổ nhiệm tổng giám đốc điều hành công ty; Sửa đổi Điều lệ Công ty; Xem xét đề nghị kiểm toán lại Báo cáo tài chính năm 2016	Biên bản số 56-HĐQT/BB/DL ngày 05/7/2017
18.	05/7/2017	Nghị quyết HĐQT v/v chốt thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017, bổ nhiệm phó tổng giám đốc; sửa đổi điều lệ Công ty; xem xét đề nghị kiểm toán lại báo cáo tài chính năm 2016	Nghị quyết số 53-NQ/HĐQT ngày 05/7/2017
19.	05/7/2017	Quyết định bổ nhiệm chức vụ phó tổng giám đốc điều hành công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn (Bà Nguyễn Kim Thảo)	Quyết định số 59-/QĐ-HĐQT ngày 05/7/2017
20.	03/8/2017	Họp HĐQT báo cáo kết quả Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1; Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; Công tác trừ bị Đại hội đồng cổ đông bất thường 2017 lần 2	Biên bản số 69-HĐQT/BB/DL ngày 03/8/2017
21.	12/9/2017	Họp HĐQT xem xét đề nghị của Công ty TNHH Thảo Viên triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường bầu thành viên HĐQT, BKS trước thời hạn; Thông qua thang lương; Giải thể Nhà hàng San Hồ; Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 3; Thời gian, tỷ lệ chia cổ tức 2015; Thành lập ban tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường lần 3 năm 2017	Biên bản số 74-HĐQT/BB/DL ngày 12/9/2017
22.	12/9/2017	Nghị quyết của HĐQT v/v tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 lần 3	Nghị quyết số 81-NQ/HĐQT ngày 12/9/2017
23.	12/9/2017	Nghị quyết v/v chia cổ tức năm 2015	Nghị quyết số 82-NQ/HĐQT ngày 12/9/2017
24.	12/9/2017	Nghị quyết của HĐQT v/v phê duyệt thanh lương, bảng lương mới năm 2017 công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn	Nghị quyết số 83-NQ/HĐQT ngày 12/9/2017
25.	13/09/2017	Quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 lần 3	Quyết định số 84-/QĐ-HĐQT ngày 13/09/2017
26.	13/09/2017	Quyết định thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 lần 3	Quyết định số 85-/QĐ-HĐQT ngày 13/09/2017
27.	13/09/2017	Quyết định chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh (nhà hàng San Hồ thuộc KS Hoa Sim)	Quyết định số 86-/QĐ-HĐQT ngày 13/09/2017
28.	04/10/2017	Họp HĐQT Chốt thời gian chính thức tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường lần 3 năm 2017;	Biên bản số 89-HĐQT/BB/DL

		Thông qua dự kiến nhân sự tham gia đoàn chủ tịch, thư ký trình đại hội; thông qua dự thảo chương trình đại hội đồng cổ đông bất thường 2017 lần 3; Thông qua số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022; Thông qua dự thảo quy chế tổ chức đại hội, dự thảo quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022.	ngày 04/10/2017
29.	25/10/2017	Họp HĐQT phiên họp thứ nhất nhiệm kỳ 2017-2022	Biên bản số 93-HĐQT/BB/DL ngày 25/10/2017
30.	27/11/2017	Họp HĐQT v/v phê duyệt xin cấp giấy hoạt động dịch vụ việc làm	Biên bản số 97-HĐQT/BB/DL ngày 27/11/2017
31.	27/11/2017	Họp HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017	Biên bản số 98-HĐQT/BB/DL ngày 27/11/2017
32.	22/12/2017	Họp HĐQT v/v thành lập Ban kinh doanh dịch vụ việc làm	Biên bản số 99-HĐQT/BB/DL ngày 27/11/2017
33.	25/12/2017	Họp HĐQT thông qua chủ trương xây dựng phương án đầu tư xây dựng mới Khách sạn Hoa Sim	Biên bản số 100-HĐQT/BB/DL ngày 25/12/2017
34.	28/12/2017	Họp HĐQT phê duyệt kết quả xếp loại lao động, thi đua khen thưởng năm 2017	Biên bản số 100-HĐQT/BB/DL ngày 28/12/2017

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Bế Ngọc Tú	Ủy viên ban kiểm soát			
3	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2017 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các đơn vị chi nhánh trực thuộc Công ty trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát việc triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán, giám sát quy trình quản lý tài chính, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo sơ kết quả của Công ty

Trong năm Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2017:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc	170.861.538	0	0	0	170.861.538
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	180.375.939				180.375.939
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	18.000.000	0	0	0	18.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	14.400.000	0	0	0	14.400.000
5	Bế Ngọc Tú	Ủy viên BKS, Trưởng phòng TC-KHTH	118.037.477	0	0	0	118.037.447
6	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	82.153.847				82.153.847
7	Phạm Đình Ban	Tổng giám đốc điều hành	163.253.846	0	0	0	163.253.846
8	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	115.653.846	0	0	0	115.653.846
9	Nguyễn Khánh Dân	UV HĐQT đến tháng 4/2017	23.688.461	0	0	0	23.688.461

10	Lâm Bảo kỳ	UV HĐQT đến tháng 10/2017	15.000.000	0	0	0	15.000.000
11	Trần Việt Di	UV HĐQT đến tháng 10/2017	15.000.000	0	0	0	15.000.000
12	Thân Kim Hạnh	Ủy viên BKS đến tháng 10/2017	25.000.000	0	0	0	25.000.000
Tổng cộng			941.424.954				941.424.954

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội :

Trong năm 2017 cổ đông nội bộ thực hiện giao dịch bán cổ phần gồm:

1. Bà Vũ Mộng Nương, thành viên HĐQT, thực hiện mua CP, trước thời điểm mua là 0 CP, sau khi mua số cổ phần hiện nay: 82.000CP.
2. Bà Bé Thị Thu Hương, thành viên BKS thực hiện bán CP, số CP hiện nay là: 0 CP.
3. Công ty TNHH thảo viên (người đại diện là Bà Nguyễn Kim Thảo) thực hiện bán CP, Số cổ phần trước khi bán có 1.509.280CP, sau khi bán còn 1.179.280CP (thời gian giao dịch 02/01/2018)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo quy định.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Thăng Long T.D.K – Chi nhánh Đông Bắc

Giám đốc

Đã ký

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy CNĐKHN nghề kiểm toán viên số:
0313 -2018-045-1

Kiểm toán viên

Đã ký

Vũ Đức Duy

Giấy CNĐKHN nghề kiểm toán viên số 3335-
2015-045-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		21.069.061.710	20.533.151.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.153.880.219	12.301.678.621
1. Tiền	111	V.01a	1.453.880.219	1.801.678.621
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01b	10.700.000.000	10.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.071.454.296	3.009.815.921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	931.174.077	907.191.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04a	1.042.948.000	1.326.198.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.097.332.219	776.426.921
IV. Hàng tồn kho	140		4.827.343.862	4.221.656.777
1. Hàng tồn kho	141	V.06	4.827.343.862	4.221.656.777
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.383.333	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	16.383.333	0
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		78.036.197.688	80.096.662.973
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		800.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	800.000.000	500.000.000
II- Tài sản cố định	220		11.229.168.871	12.856.322.689
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.229.168.871	12.856.322.689
- Nguyên giá	222		24.373.928.032	25.333.299.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.144.759.161)	(12.476.976.810)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	0	0
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III- Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		0	10.909.092
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	0	10.909.092
V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		64.822.821.897	64.822.821.897
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02b	64.822.821.897	64.822.821.897
VI- Tài sản dài hạn khác	260		1.184.206.920	1.906.609.295
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	1.184.206.920	1.906.609.295
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		99.105.259.398	100.629.814.292

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		67.967.463.506	67.888.539.770
I. Nợ ngắn hạn	310		3.244.641.609	3.265.717.873
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.846.957.367	2.435.057.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	237.119.889	85.947.073
4. Phải trả người lao động	314		219.004.776	336.713.770
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13a	530.000.000	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	264.029.986	213.469.934
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	67.000.000	120.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		60.529.591	74.529.591
II- Nợ dài hạn	330		64.722.821.897	64.622.821.897
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	100.000.000	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	64.622.821.897	64.622.821.897
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		31.137.795.892	32.741.274.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	31.137.795.892	32.741.274.522
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		29.579.000.000	29.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		29.579.000.000	29.579.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(91.210.454)	(91.210.454)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.155.147.734	3.474.147.734
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.505.141.388)	(220.662.758)
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421A		(1.372.706.254)	1.152.043.496
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		(1.132.435.134)	(1.372.706.254)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		99.105.259.398	100.629.814.292

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	14.064.673.777	16.049.562.374
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.064.673.777	16.049.562.374
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	13.044.643.579	12.851.294.765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.020.030.198	3.198.267.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	554.283.678	930.701.230
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24	VI.20	825.470.756	2.293.586.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	2.719.928.213	3.875.366.798
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.971.085.093)	(2.039.984.663)
11. Thu nhập khác	31	VI.22	1.740.571.485	793.733.391
12. Chi phí khác	32	VI.23	901.921.526	126.454.982
13. Lợi nhuận khác	40		838.649.959	667.278.409
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.132.435.134)	(1.372.706.254)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.132.435.134)	(1.372.706.254)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	(383)	(464)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		*	
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	15.578.020.311	15.247.651.126
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(11.693.959.165)	(12.424.563.186)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.081.209.976)	(3.761.231.603)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(50.180.463)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.181.773.682	9.411.299.360
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.266.724.412)	(11.925.943.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(282.099.560)	(3.502.968.645)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các loại TSDH khác	21	(839.533.216)	(5.725.532.542)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	806.551.817	396.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	0	17.350.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	554.283.678	879.365.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	521.302.279	10.900.650.759
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	205.000.000	1.003.500.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(258.000.000)	(1.025.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(334.001.121)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(387.001.121)	(22.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(147.798.402)	7.375.682.114
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.301.678.621	4.925.996.507
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.153.880.219	12.301.678.621

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn sau đây (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/05/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là: 29.579.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn)

<u>Cơ cấu vốn điều lệ</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty TNHH Thảo Viên	15.092.800.000	51,03%
Vốn của Nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	27,85%
Vốn của các cổ đông khác	<u>6.248.600.000</u>	<u>21,13%</u>
Cộng:	29.579.000.000	100%

Công ty có trụ sở tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- ❖ Đại lý du lịch (mã ngành 7911 Chính);
- ❖ Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912);
- ❖ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (mã ngành 4649);
- ❖ Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (mã ngành 1101);
- ❖ Sản xuất rượu vang (mã ngành 1102);
- ❖ Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành 4723);
- ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810);

- ❖ Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (mã ngành 4719);
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành 4659);
- ❖ Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu (mã ngành 8699);
- ❖ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ bán vé máy bay (mã ngành 5229);
- ❖ Thu gom rác thải không độc hại (mã ngành 3811);
- ❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là (mã ngành 5510);
- ❖ Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) (mã ngành 9329);
- ❖ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (mã ngành 4620);
- ❖ Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm (mã ngành 7810);
- ❖ Bán buôn thực phẩm (mã ngành 4632);
- ❖ Quảng cáo (mã ngành 7310);
- ❖ Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (mã ngành 4610);
- ❖ Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Hoạt động vui chơi thể chất đa năng dành cho trẻ em (mã ngành 9321);
- ❖ Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Hoạt động thể thao đa năng (mã ngành 9319)/.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu của khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi, lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian trích khấu hao được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- ❖ Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 45 năm
- ❖ Máy móc thiết bị: 03 – 20 năm
- ❖ Phương tiện vận tải truyền dẫn: 06 – 08 năm
- ❖ Tài sản cố định khác: 04 – 25 năm

5. Tài sản cố định vô hình

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi, lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc vô thời hạn được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được các cơ quan có thẩm quyền cấp. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian trích khấu hao được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

❖ Phần mềm quản lý:

05 năm

6. Các khoản đầu tư tài chính

6.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thực tế mua.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 09 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

6.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn

- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- ✓ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy theo số tiền thực tế thu được. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng chuyển giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu hoạt động từ khách sạn nhà hàng, dịch vụ du lịch, hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh rượu mầu sơn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

14. Các loại thuế khác: Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mẫu sơn là 10%.

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 50% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với bên liên quan được trình bày trong phần thông tin khác của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

01a. Tiền

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt VND	644.447.730	616.989.307
Tiền gửi Ngân hàng VND	809.432.489	1.184.689.314
- Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn	30.177.404	17.260.580
- Vietcombank chi nhánh Lạng Sơn	0	923.000
- BIDV chi nhánh Lạng Sơn	779.255.085	1.166.505.734
Cộng	1.453.880.219	1.801.678.621

01b. Các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	10.700.000.000	10.500.000.000
- Tại BIDV chi nhánh Lạng Sơn ⁽¹⁾	9.700.000.000	9.500.000.000
- Tại Vietinbank chi nhánh Lạng Sơn ⁽²⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	10.700.000.000	10.500.000.000

⁽¹⁾ Các hợp đồng tiền gửi có thời hạn từ 1 đến 3 tháng. Khi đến hạn bên gửi không có nhu cầu đáo hạn thì toàn bộ gốc và lãi sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới. Lãi suất áp dụng theo quy định của BIDV tại thời điểm tái tục hợp đồng.

⁽²⁾ Hợp đồng tiền gửi số 200/2017/07/0008/HĐTĐ ngày 04/07/2017; Kỳ hạn 03 tháng; Lãi suất 4,8%/năm. Khoản tiền gửi chỉ thực hiện tái đáo hạn gốc, lãi tiền gửi sẽ được tự động chuyển vào tài khoản thanh toán của Công ty khi đến hạn

02. Các khoản đầu tư tài chính

20a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2a.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Chi tiết gồm:	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá ghi sổ</i>	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV chi nhánh Lạng Sơn ⁽³⁾	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

⁽³⁾ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 18/704627/HĐTG ngày 05/12/2016; Tổng giá trị gửi 1.000.000.000 đồng; Thời gian gửi 6 tháng; Khi đến hạn bên gửi không có nhu cầu đáo hạn thì toàn bộ gốc và lãi sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới. Lãi suất áp dụng theo quy định của BIDV tại thời điểm tái tục hợp đồng.

02b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
Chi tiết gồm:				
Góp vốn vào Công ty cổ phần Quốc tế Lạng Sơn ⁽⁴⁾	64.622.821.897	0	64.622.821.897	0
Góp vốn vào quỹ bảo lãnh tín dụng cho DN nhỏ và vừa tỉnh Lạng Sơn	200.000.000	0	200.000.000	0
Cộng	64.822.821.897	0	64.822.821.897	0

(4) Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đông, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đồng đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào trong quá trình thực hiện dự án liên doanh nên không trích lập dự phòng.

03. Phải thu khách hàng

03a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi tiết gồm:				
Phải thu các bên liên quan	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	931.174.077	0	907.191.000	0
Công ty Điện lực Lạng Sơn	0	0	144.000.000	0
Công ty TNHH Trọng Tín	73.650.000	0	77.745.000	0
Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ	43.700.000	0	0	0
UBND xã Hoàng Đông	229.425.000	0	0	0
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	584.399.077	0	685.446.000	0
Cộng	931.174.077	0	907.191.000	0

	Số cuối năm	Số đầu năm
04. Trả trước người bán	0	0
04a. Trả trước người bán ngắn hạn	1.042.948.000	1.326.198.000
Chi tiết gồm:	90.000.000	90.000.000
Trả trước cho các bên liên quan	0	81.500.000
Trả trước cho các đối tượng khác	50.000.000	27.500.000
Công ty Kiến trúc ATH	27.870.000	33.120.000
Công ty TNHH Anh Quốc	875.078.000	1.094.078.000
Công ty CP Tư vấn Kiểm định Xây dựng Việt Nam		
Hoàng Phúc Trình		
Trả trước người bán ngắn hạn khác		
Cộng	1.042.948.000	1.326.198.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
05. Phải thu khác		
05a. Phải thu khác ngắn hạn		
Chi tiết gồm:		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	0	0
Phải thu ngắn hạn khác đối tượng khác	1.097.332.219	776.426.921
Hỗ trợ xã Công Sơn	0	58.000.000
Thuế TTĐB nguyên liệu rượu đầu vào	630.404.119	503.893.257
Bé Ngọc Tú tạm ứng	56.928.100	150.928.100
Bé Thị Thu Hương tạm ứng	10.000.000	10.590.900
Triệu Thị Tâm tạm ứng	400.000.000	0
Phải thu ngắn hạn khác	0	53.014.664
Cộng	1.097.332.219	776.426.921

05b. Phải thu khác dài hạn

Chi tiết gồm:

Phải thu dài hạn khác các bên liên quan

Phải thu dài hạn khác đối tượng khác

Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành quốc tế

Ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	0	0	0	0
	800.000.000	0	500.000.000	0
	500.000.000	0	500.000.000	0
	300.000.000	0	0	0
Cộng	800.000.000	0	500.000.000	0

06. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:

Nguyên vật liệu

Thành phẩm nhập kho

Hàng hóa

Số cuối năm

Số đầu năm

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	3.227.418.244	0	2.578.159.490	0
	341.141.664	0	376.822.184	0
	1.258.783.954	0	1.266.675.103	0
Cộng	4.827.343.862	0	4.221.656.777	0

07. Chi phí trả trước

07a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ xuất dùng

Số cuối năm

Số đầu năm

	16.383.333	0
Cộng	16.383.333	0

07b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bàn tròn sơn tĩnh điện (Khách sạn Hoa Sim)	137.250.000	228.750.000
Ghế nhà hàng (Khách sạn Hoa Sim)	203.659.091	339.431.818
Sửa chữa nhà vòm (Khách sạn Hoa Sim)	162.251.818	243.377.727
Trang thiết bị, CCDC nhà hàng San Hồ ⁽⁵⁾	0	403.841.850
Thiết bị âm thanh (Khách sạn Hoa Sim)	101.622.501	183.834.169
CCDC bếp (Khách sạn Hoa Sim)	77.860.500	129.767.500
CCDC xuất dùng, sửa chữa TSCĐ khác	501.563.010	377.606.231
Cộng	<u>1.184.206.920</u>	<u>1.906.609.295</u>

⁽⁵⁾ Trong năm, Công ty Quyết định chuyển đổi loại hình kinh doanh đối với nhà hàng San Hồ. CCDC phục vụ hoạt động kinh doanh nhà hàng San Hồ được thanh lý và chuyển một phần về Khách sạn Hoa Sim tiếp tục sử dụng, theo dõi và phân bổ chi phí cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.976.717.436	1.938.673.054	2.283.421.373	134.487.636	25.333.299.499
- Mua trong năm		397.971.590			397.971.590
- ĐT XDCB hoàn thành	245.127.852				245.127.852
- Thanh lý, nhượng bán			(1.431.470.909)		(1.431.470.909)
- Giảm khác	(171.000.000)				(171.000.000)
Số dư cuối năm	21.050.845.288	2.336.644.644	851.950.464	134.487.636	24.373.928.032
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.600.347.168	1.872.653.016	888.536.586	115.440.040	12.476.976.810
- Khấu hao trong năm	1.317.762.282	118.923.000	120.020.912	5.194.812	1.561.901.006
- Thanh lý, nhượng bán	(147.000.000)		(747.118.655)		(894.118.655)
Số dư cuối năm	10.771.109.450	1.991.576.016	261.438.843	120.634.852	13.144.759.161
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	11.376.370.268	66.020.038	1.394.884.787	19.047.596	12.856.322.689
- Tại ngày cuối năm	10.279.735.838	345.068.628	590.511.621	13.852.784	11.229.168.871

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình 97.500.000 đồng là Phần mềm kế toán phát sinh từ năm 2005, hiện đã hết khấu hao, Công ty vẫn đang sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Hoạt động xây dựng cơ bản phát sinh trong năm là Công trình sửa chữa nhà vòm khách sạn Hoa Sim có giá trị chi phí từ năm trước chuyển sang là 10.909.092 đồng, chi phí phát sinh năm 2017 là 170.833.760 đồng. Giá trị XDCB hoàn thành là 181.742.852 đồng.

11. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Chi tiết gồm:				
Phải trả các bên liên quan	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.846.957.367	1.846.957.367	2.435.057.505	2.435.057.505
Hoàng Phương Dung	466.863.000	466.863.000	212.216.000	212.216.000
Công ty TNHH Mậu dịch Thủy Hưng, huyện Ninh Minh	1.121.565.319	1.121.565.319	1.121.565.319	1.121.565.319
Công ty CP Thương mại Đầu tư và XD Dung Linh	0	0	398.018.356	398.018.356
DNTN Vy Thuận	0	0	122.880.000	122.880.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	258.529.048	258.529.048	580.377.830	580.377.830
Cộng	1.846.957.367	1.846.957.367	2.435.057.505	2.435.057.505

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
12a. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	46.687.079	2.067.222.439	1.955.695.360	158.214.158
Thuế tiêu thụ đặc biệt	38.759.994	658.559.832	618.536.124	78.783.702
Thuế thu nhập cá nhân	500.000	12.203.370	12.581.341	122.029
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	0	488.869.631	488.869.631	0
Các loại thuế khác	0	14.270.580	14.270.580	0
Cộng	85.947.073	3.241.125.852	3.089.953.036	237.119.889

13. Doanh thu chưa thực hiện

13a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
FPT trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	450.000.000	0
Bà Nguyễn Thị Nga trả trước tiền thuê địa điểm KD	80.000.000	
Cộng	530.000.000	0

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên liên quan	127.797.840	129.812.000
Ông Trần Việt Di - Thành viên HĐQT	0	129.812.000
Ông Nguyễn Chính Nghĩa (cổ tức 2015)	119.250.000	0
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (cổ tức 2015)	8.547.840	0
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	136.232.146	83.657.934
Bảo hiểm xã hội	73.724.651	0
Bảo hiểm y tế	11.904.571	0
Bảo hiểm thất nghiệp	5.796.847	0
Cổ tức phải trả các cổ đông	31.689.166	34.112.167
Phải trả khác	13.116.911	49.545.767
Cộng	264.029.986	213.469.934

14b. Phải trả dài hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bà Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh	100.000.000	0
Cộng	100.000.000	0

15. Vay và nợ thuê tài chính
15a. Vay ngắn hạn ⁽⁶⁾

Chi tiết vay:	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Bà Lê Như Quỳnh	67.000.000	67.000.000	160.000.000	213.000.000	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Đức Hương	0	0	45.000.000	45.000.000		0
Cộng	67.000.000	67.000.000	205.000.000	258.000.000	120.000.000	120.000.000

15b. Vay dài hạn

Chi tiết vay:	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn ⁽⁷⁾	64.622.821.897	64.622.821.897	0	0	64.622.821.897	64.622.821.897
Cộng	64.622.821.897	64.622.821.897	0	0	64.622.821.897	64.622.821.897

⁽⁶⁾ Hợp đồng vay tiền các cá nhân có thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 0%.

⁽⁷⁾ Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000.USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả.

16. **Vốn chủ sở hữu**

16.1 **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	29.579.000.000	(91.210.454)	4.626.191.230	34.113.980.776
- Tăng vốn trong năm trước				0
- Lãi trong năm trước			(1.372.706.254)	(1.372.706.254)
- Tăng khác				0
- Giảm vốn trong năm trước				0
- Lỗ trong năm trước				0
- Giảm khác				0
Số dư đầu năm nay	29.579.000.000	(91.210.454)	3.253.484.976	32.741.274.522
- Tăng vốn trong năm				0
- Lãi trong năm				0
- Tăng khác				0
- Giảm vốn trong năm				0
- Lỗ trong năm			(1.132.435.134)	(1.132.435.134)
- Giảm khác ⁽⁸⁾			(471.043.496)	(471.043.496)
Số dư cuối năm nay	29.579.000.000	(91.210.454)	1.650.006.346	31.137.795.892

⁽⁸⁾ Giảm khác 471.043.496 đồng: Chia cổ tức lợi nhuận sau thuế 2015.

16.2 **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thảo Viên	15.092.800.000	51,03%	15.611.300.000	52,78%
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài ⁽⁹⁾	8.237.600.000	27,85%	8.237.600.000	27,85%
Vốn góp của các cổ đông khác	6.248.600.000	21,13%	5.730.100.000	19,37%
Cộng	29.579.000.000	100%	29.579.000.000	100%

⁽⁹⁾ Bao gồm: Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn; địa chỉ Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 537.600.000 đồng. Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương; địa chỉ Khu 2, Tân Thành, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Chính Nghĩa, quốc tịch Đài Loan, vốn góp 7.500.000.000 đồng.

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.579.000.000	29.579.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	29.579.000.000	29.579.000.000

16.4 Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	4.155.147.734	3.474.147.734

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

17. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán các sản phẩm rượu	1.617.726.422	1.468.183.521
Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch	2.013.709.095	4.625.232.995
Doanh thu bán hàng hoá	67.000.000	786.186.480
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	10.079.965.533	8.890.595.741
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	286.272.727	279.363.637
Cộng	14.064.673.777	16.049.562.374

18. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của các sản phẩm rượu đã bán	1.545.451.960	1.104.340.985
Giá vốn của dịch vụ lữ hành du lịch	1.860.868.711	3.672.271.933
Giá vốn bán hàng hoá	51.000.000	748.125.680
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	9.583.465.822	7.300.143.836
Giá vốn cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	3.857.086	26.412.331
Cộng	13.044.643.579	12.851.294.765

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	554.283.678	930.701.230
Cộng	554.283.678	930.701.230

20. Chi phí bán hàng

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	65.644.000	994.303.451
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	0	491.434.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	731.536.664	545.134.903
Chi phí bằng tiền khác	28.290.092	262.713.941

Cộng**825.470.756****2.293.586.704****21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.389.533.860	1.826.435.761
Chi phí khấu hao TSCĐ	263.023.665	293.040.570
Thuế, phí và lệ phí	109.690.211	317.563.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	627.954.638	1.141.146.037
Chi phí bằng tiền khác	329.725.839	297.181.078

Cộng**2.719.928.213****3.875.366.798****22. Thu nhập khác**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thanh lý tài sản cố định	806.551.817	364.102.715
Xử lý công nợ phải trả cổ phần hóa	0	305.756.633
Xử lý nguyên vật liệu thừa phát hiện sau kiểm kê	492.469.000	0
Khoán kinh doanh	421.000.000	0
Thu nhập khác	20.550.668	123.874.043

Cộng**1.740.571.485****793.733.391****23. Chi phí khác**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	828.352.254	0
Truy thu, phạt thuế theo quyết định thanh tra	18.732.768	60.879.221
Hủy nguyên vật liệu do kém chất lượng	0	11.000.000
Chi phí khác	54.836.504	54.575.761

Cộng**901.921.526****126.454.982**

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	0
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**25.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.132.435.134)	(1.372.706.254)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	2.957.900	2.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(383)	(464)

25.2 Cổ phiếu Công ty

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.957.900	2.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phiếu phổ thông	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phiếu phổ thông	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

25.3 Mệnh giá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư của các bên liên quan****1.1 Trong năm, các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty THHH Thảo Viên	Cổ đông góp vốn	Cung cấp hàng hóa	66.707.000
		Thu tiền bán hàng	67.254.000
		Chia cổ tức 2015	239.975.520
		Nhận tiền cổ tức 2015	239.975.520
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông góp vốn	Chia cổ tức 2015	8.547.840
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	Cổ đông góp vốn	Chia cổ tức 2015	119.250.000
Bà Vũ Mộng Nương	Thành viên HĐQT	Chia cổ tức 2015	12.386.100

